

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/7/2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Sơn

Ông Dương Hải Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Nguyễn Diễm Th**, sinh năm: 1988.

HKTT: Số 19/1 TX 2, xã XT, thành phố Đà Lạt.

Địa chỉ liên hệ: Số 27 LL, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh **Cao Minh H**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số 9Bis/1A, đường HBT, Phường y, thành phố Đà Lạt.

(Chị Th và anh H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2021 và lời khai của nguyên đơn chị Lê Nguyễn Diễm Th trình bày thì:*

Chị và anh H có đăng ký kết hôn ngày 14/12/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường y, thành phố Đà Lạt. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại 24/14 ĐCT, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhưng từ khi kết hôn tới nay thì vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp được với nhau, không mang lại hạnh phúc cho nhau. Chị là người trụ cột chính trong gia đình còn anh H nghề nghiệp không ổn định, kinh tế ngày càng khó khăn

nên chị phải làm thêm công việc ở công ty để tăng thu nhập cho gia đình. Cũng vì thế mà anh H lại ghen tuông vô cớ mỗi khi có khách hàng liên hệ. Cuộc sống vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng. Hiện anh chị đã sống ly thân được 02 tháng. Nay vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên chị đề nghị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Cao Minh H trình bày thì:*

Anh chị kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn ngày 14/12/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường y, thành phố Đà Lạt. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình chung sống thì đến cuối năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không đồng nhất quan điểm sống, tính cách hai vợ chồng không hợp nhau.

Hiện nay anh đang làm việc tại Đà Lạt, làm giờ hành chính, thu nhập hàng tháng 5.000.000đ đến 7.000.000đ (Năm triệu đồng đến bảy triệu đồng).

Nay chị Th xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, cả chị Th và anh H đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nhận định:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi thụ lý tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, đương sự và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Th và anh H được ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Nguyễn Diễm Th và bị đơn anh Cao Minh H có đăng ký kết hôn, nay chị Th có đơn yêu cầu được ly hôn với anh H và hiện nay anh H đang sinh sống và làm việc tại thành phố Đà Lạt. Vì vậy, cần xác định

quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cả chị Th và anh H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Nguyễn Diễm Th thì thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Th và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam và đã được Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/12/2018. Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H là có trên thực tế.

Tuy nhiên, thời gian chung sống hạnh phúc 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, mặc dù hai bên đã cố gắng nhưng không thể hàn gắn được. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, ... và lý do chính đáng khác”.

Tuy nhiên, hiện nay cả chị Th và anh H đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Tòa án tiến hành xác minh chính quyền địa phương về mâu thuẫn hôn nhân của chị Th và anh H thì chính quyền địa phương không nắm rõ.

Xét thấy, hiện nay cả chị Th và anh H cũng thừa nhận không còn tình cảm với nhau, vợ chồng sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị Th yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: cả chị Th và anh H đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề tuyên xử theo hướng nhận định nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Lê Nguyễn Diễm Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, 55, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Nguyễn Diễm Th về việc “*Tranh chấp ly hôn*” với đối với bị đơn anh Cao Minh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Nguyễn Diễm Th và bị đơn anh Cao Minh H được ly hôn.

2. Về án phí:

Nguyên đơn chị Lê Nguyễn Diễm Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do chị Nguyễn Thị H đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003623 ngày 04/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, chị Lê Nguyễn Diễm Th và anh Cao Minh H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP. Đà Lạt;
- UBND Phường y, TP. Đà Lạt;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Liên